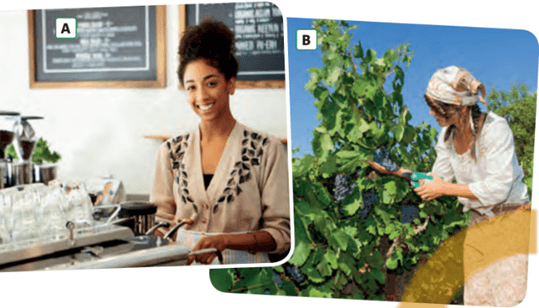
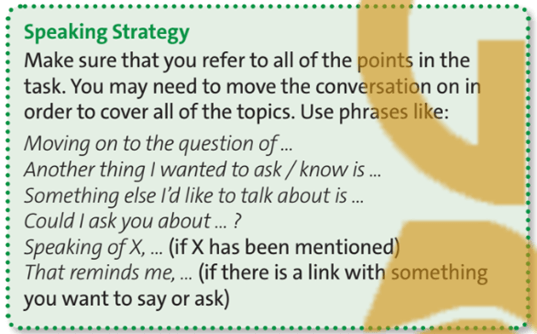
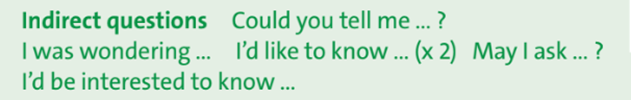
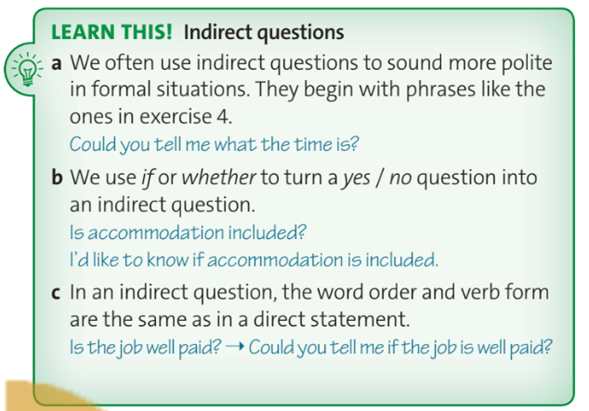
# Unit 6G. Speaking (trang 80)

**Tiếng Anh 11 Unit 6G Speaking trang 80 - Friends Global**  
**1 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Why do people go abroad to work? Think of at least three reasons. (Tại sao mọi người ra nước ngoài làm việc? Hãy nghĩ về ít nhất ba lý do)  
**Gợi ý:**  
People go abroad to work for various reasons, including  
- To seek better job opportunities and higher salaries.  
- To gain international work experience and improve language skills.  
- To escape political or economic instability in their home country.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Mọi người ra nước ngoài làm việc vì nhiều lý do, bao gồm  
- Tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn và mức lương cao hơn.  
- Tích lũy kinh nghiệm làm việc quốc tế và nâng cao kỹ năng ngôn ngữ.  
- Để thoát khỏi tình trạng bất ổn chính trị hoặc kinh tế ở quê hương.  
  
**2 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Compare and contrast the photos of people working abroad. What are the people doing? (So sánh và đối chiếu những bức ảnh của những người làm việc ở nước ngoài. Mọi người đang làm gì?)  
  
**Gợi ý:**  
In Picture A, a woman is seen working in a coffee shop or restaurant, presumably serving customers or preparing food and drinks. In Picture B, a woman is shown doing gardening work, possibly tending to plants, flowers, or vegetables. Both photos depict people working abroad in different industries and settings. While Picture A is related to the food and hospitality industry, Picture B is associated with agriculture and landscaping.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trong Hình A, một người phụ nữ đang làm việc trong quán cà phê hoặc nhà hàng, có lẽ là phục vụ khách hàng hoặc chuẩn bị thức ăn và đồ uống. Trong Hình B, một phụ nữ đang làm công việc làm vườn, có thể là chăm sóc cây, hoa hoặc rau. Cả hai bức ảnh đều mô tả những người làm việc ở nước ngoài trong các ngành và bối cảnh khác nhau. Trong khi Hình A liên quan đến ngành thực phẩm và khách sạn, thì Hình B liên quan đến nông nghiệp và cảnh quan.  
  
**3 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Speaking Strategy above and the task below. Then listen to a student doing the task. Which phrases from the strategy does she use? (Đọc Chiến lược nói ở trên và nhiệm vụ bên dưới. Sau đó nghe một học sinh làm bài. Cô ấy sử dụng những cụm từ nào trong chiến lược?)  
Track 2-35  
  
You have moved to the UK and are looking for work. You have seen a job advert for hotel staff. Discuss the job with the hotel manager. Cover these four points:  
\* Responsibilities  
\* Personal qualities required  
\* Hours of work and salary  
\* If accommodation is included  
**Đáp án:**  
- Something else i’d like to ask about is ... (Điều mà tôi muốn hỏi đó là...)  
- Moving on to the question of ... (Chuyển sang câu hỏi về...)  
- Could I ask you about ...? (Tôi có thể hỏi về....?)  
**Nội dung bài nghe:**  
S I saw a job advert for hotel staff and I was wondering if I could discuss it with you.  
T Certainly. What would you like to know?  
S Well, first of all, I’d like to know what the job involves.  
T It involves cleaning guests’ bedrooms in the morning, and after that, working in the restaurant.  
S Oh, I see. Could you tell me what I would be doing in the restaurant?  
T Mostly serving customers. The restaurant gets very busy at lunch time.  
S Well, I’m hard-working so that won’t be a problem. I’m also very polite and I enjoy working with the public.  
T That’s good. You’ll need to be very patient and cheerful too.  
S I believe I possess those qualities too. The job sounds ideal for me. Something else I’d like to ask about is the hours. I’d be interested to know when I would start and finish work exactly. T The hours are 8 a.m. to 3 p.m., Tuesday to Saturday.  
S So I would get Sunday and Monday off?  
T Yes, that’s right.  
S That’s good. Moving on to the question of pay, may I ask what the salary is?  
T Yes, it’s £7 an hour. We may occasionally ask you work overtime. Would you be willing to do that?  
S Yes, I think so. Finally, could I ask you about accommodation? I’d like to know if accommodation is included.  
T No, I’m afraid it isn’t. You’ll have to find your own accommodation. Is that a problem?  
S No, it isn’t. I’m staying at a friend’s flat and she says I can stay as long as I like.  
T Well, it sounds like you are ideally suited to the job, so I’d like to offer it to you.  
S Thank you. I’d be delighted to accept it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
S Em thấy một quảng cáo việc làm cho nhân viên khách sạn và tôi không biết liệu tôi có thể thảo luận với cô không ạ?  
T Chắc chắn rồi. Em muôn biêt điều gi?  
S Chà, trước hết, em muốn biết công việc này bao gồm những gì ạ.  
T Nó liên quan đến việc dọn dẹp phòng ngủ của khách vào buổi sáng, và sau đó thif làm việc trong nhà hàng.  
S Ồ, em hiểu rồi. Cô có thể cho tôi biết tôi sẽ làm gì trong nhà hàng không ạ?  
T Chủ yếu là phục vụ khách hàng. Nhà hàng sẽ rất bận rộn vào giờ ăn trưa.  
S Vâng, em là người làm việc chăm chỉ nên điều đó sẽ không thành vấn đề. Em cũng rất lịch sự và em thích làm việc với người khác.  
T Thế thì tốt quá. Em cũng cần phải rất kiên nhẫn và vui vẻ nữa.  
S Em tin rằng mình cũng sở hữu những phẩm chất đó. Công việc nghe có vẻ lý tưởng đối với em đó ạ. Một điêuf nữa em muốn hỏi là về giờ giấc. TEM muốn biết chính xác khi nào em sẽ bắt đầu và kết thúc công việc.  
T Thời gian làm việc là 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều, Thứ Ba đến Thứ Bảy. nhé  
S Vậy em có được nghỉ Chủ Nhật và Thứ Hai không?  
T Được em ạ.  
S Tốt quá. Chuyển sang vấn đề về tiền lương, em có thể hỏi mức lương là bao nhiêu không ạ?  
T Có chứ, £7 một giờ. Đôi khi các cô có thể yêu cầu em làm thêm giờ. Em có sẵn lòng làm điều đó không?  
S Em nghĩ là có ạ. Cuối cùng, em có thể hỏi về chỗ ở không? Em muốn biết nếu như công việc bao gồm cả chỗ ở.  
T Cô e là không đâu. Em sẽ phải tự tìm chỗ ở đấy. Đó có phải là vấn đề với em không?  
S Không ạ. Em đang ở tỏng căn hộ của một người bạn và cô ấy nói rằng em có thể ở bao lâu tùy thích.  
T Chà, có vẻ như em rất phù hợp với công việc này đó, vì vậy cô muốn đưa ra đề nghị với em. Cảm ơn em nhé.  
S Em rất vui khi nhận nó ạ.  
  
**4 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: KEY PHRASES Listen again. Complete the questions that the student asked with the phrases below. (Lắng nghe một lần nữa. Hoàn thành các câu hỏi mà học sinh hỏi với các cụm từ dưới đây)  
Track 2-35  
  
1... if I could discuss it with you.  
2... what the job involves.  
3... what I would be doing in the restaurant?  
4... when I would start and finish work exactly.  
5... what the salary is?  
6 ... if accommodation is included.  
**Đáp án:**  
1. I was wondering if I could discuss it with you.  
2. I’d like to know what the job involves.  
3. Could you tell me what I would be doing in the restaurant?  
4. I’d be interested to know may I ask when I would start and finish work exactly.  
5. May I ask what the salary is?  
6. I’d like to know if accommodation is included.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tôi đang tự hỏi liệu tôi có thể thảo luận vấn đề này với bạn không.  
2. Tôi muốn biết công việc đó liên quan đến điều gì.  
3. Bạn có thể cho tôi biết tôi sẽ làm gì ở nhà hàng không?  
4. Tôi muốn biết chính xác là khi nào tôi sẽ bắt đầu và kết thúc công việc.  
5. Cho tôi hỏi mức lương là bao nhiêu?  
6. Tôi muốn biết liệu có bao gồm chỗ ở hay không.  
  
**5 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Why does the student choose to use indirect questions in exercise 4? (Đọc Learn this!. Vì sao ở bài tập 4 học sinh chọn cách dùng câu gián tiếp?)  
  
**Đáp án:**  
The student chooses to use indirect questions in exercise 4 because they sound more polite in formal situations.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Học sinh chọn sử dụng câu hỏi gián tiếp trong bài tập 4 vì chúng nghe lịch sự hơn trong tình huống trang trọng.  
  
**6 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the task below and think of at least six indirect questions that you could ask the café manager. Make sure you cover all four points in the task. (Đọc bài tập dưới đây và nghĩ ra ít nhất sáu câu hỏi gián tiếp mà bạn có thể hỏi người quản lý quán cà phê. Hãy chắc chắn rằng bạn bao gồm tất cả bốn điểm trong nhiệm vụ)  
Could you tell me what the job involves?  
You are looking for a holiday part-time job. You have seen a job advert for waiters and kitchen staff in a café. Discuss the job with the manager of the café. Cover these four points:  
\* Responsibilities  
\* Experience required  
\* Your personal qualities  
\* Hours of work and salary  
**Gợi ý:**  
1. Could you tell me what specific responsibilities the waiters and kitchen staff have in the café?  
2. I was wondering what kind of experience is required to work as a waiter or kitchen staff in this café?  
3. May I ask what personal qualities are most important for this job?  
4. I'd like to know how many hours of work are required per week and what the schedule would be like?  
5. I'd be interested to know what the starting salary is for this job?  
6. Could you tell me if there are any opportunities for advancement within the café for part-time staff?  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bạn có thể cho tôi biết trách nhiệm cụ thể của nhân viên phục vụ và nhân viên bếp trong quán cà phê là gì không?  
2. Tôi đang tự hỏi cần có kinh nghiệm gì để làm nhân viên phục vụ hoặc nhân viên bếp ở quán cà phê này?  
3. Tôi có thể hỏi những phẩm chất cá nhân nào là quan trọng nhất đối với công việc này không?  
4. Tôi muốn biết cần phải làm việc bao nhiêu giờ mỗi tuần và lịch trình làm việc như thế nào?  
5. Tôi muốn biết mức lương khởi điểm cho công việc này là bao nhiêu?  
6. Bạn có thể cho tôi biết liệu có cơ hội thăng tiến nào trong quán cà phê dành cho nhân viên bán thời gian không?  
  
**7 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Work in pairs. Swap the questions you wrote in exercise 6 and write answers to them. Use the phrases in exercises 4 to help you. (Làm việc theo cặp. Hoán đổi các câu hỏi bạn đã viết trong bài tập 6 và viết câu trả lời cho chúng. Sử dụng các cụm từ trong bài tập 4 để giúp bạn)  
Could you tell me what the job involves?  
- It involves greeting customers and taking orders.  
- Sometimes you will have to work in the kitchen.  
**Gợi ý:**  
1. Could you please explain the specific responsibilities of waiters and kitchen staff in your café?  
- Sure, as a waiter, your responsibilities would include greeting customers, taking orders, serving food and drinks, and handling payments. As for the kitchen staff, you would be responsible for preparing and cooking food, ensuring that the kitchen is clean and well-organized, and helping with food inventory and ordering supplies.  
2. I’d like to know what kind of experience do you usually look for in a candidate for this job?  
- We usually look for candidates who have some experience working in a similar role, but we are also open to training people who are motivated and eager to learn.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bạn có thể giải thích rõ trách nhiệm cụ thể của nhân viên phục vụ và nhân viên bếp trong quán cà phê của bạn được không?  
- Chắc chắn, với tư cách là người phục vụ, trách nhiệm của bạn sẽ bao gồm chào đón khách hàng, nhận đơn đặt hàng, phục vụ đồ ăn và đồ uống cũng như xử lý các khoản thanh toán. Đối với nhân viên nhà bếp, bạn sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị và nấu thức ăn, đảm bảo nhà bếp sạch sẽ và ngăn nắp, đồng thời hỗ trợ kiểm kê thực phẩm và đặt hàng vật tư.  
2. Tôi muốn biết bạn thường tìm kiếm loại kinh nghiệm nào ở ứng viên cho công việc này?  
- Chúng tôi thường tìm kiếm những ứng viên có một số kinh nghiệm làm việc ở vai trò tương tự, nhưng chúng tôi cũng sẵn sàng đào tạo những người có động lực và ham học hỏi.  
  
**8 (trang 80 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Take turns to do the task in exercise 6. Use the questions and answers you prepared in exercises 7. (Lần lượt làm bài tập 6. Sử dụng câu hỏi và câu trả lời đã chuẩn bị ở bài tập 7)  
**Gợi ý:**  
A: I saw a job advert for waiters and kitchen staff in a café and I was wondering if I could discuss it with you.  
B: Sure, I'd be happy to help. Which job did you see the ad for?  
A: It was for a part-time job as a waiter or kitchen staff in your café.  
B: Great, those positions are still available. What would you like to know?  
A: Could you please explain the specific responsibilities of waiters and kitchen staff in your café?  
B: As a waiter, your responsibilities would include greeting customers, taking orders, serving food and drinks, and handling payments. As for the kitchen staff, you would be responsible for preparing and cooking food, ensuring that the kitchen is clean and well-organized, and helping with food inventory and ordering supplies.  
A: I see. I’d like to know what kind of experience do you usually look for in a candidate for this job?  
B: We usually look for candidates who have some experience working in a similar role, but we are also open to training people who are motivated and eager to learn.  
A: That's good to know. I'd be interested to know what personal qualities do you think are necessary to be successful in this role?  
B: We value people who are friendly, outgoing, and able to work well under pressure. Attention to detail and a strong work ethic are also important qualities for this job.  
A: I understand. Can you tell me what the typical working hours are for this job, and what is the hourly rate of pay?  
B: We typically offer part-time positions with flexible schedules, including evenings and weekends. Our hourly rate of pay is competitive and based on experience.  
A: That sounds good. One more thing, can you tell me how I can register a day off?  
B: When it comes to scheduling for our part-time employees during the holidays, we usually ask them to provide us with their availability and try to accommodate their preferences as much as possible.  
A: Okay, thank you. And I want to know if there is any particular uniform or dress code that employees are expected to adhere to?  
B: We require all staff to wear black pants or skirts, and a black or white shirt. We also provide aprons for kitchen staff.  
A: Thank you for answering all my questions. I will consider applying for the job.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Tôi đã thấy một quảng cáo tuyển dụng bồi bàn và nhân viên bếp trong một quán cà phê và tôi không biết liệu tôi có thể thảo luận với bạn không.  
B: Chắc chắn rồi, tôi rất sẵn lòng giúp đỡ. Bạn đã xem quảng cáo cho công việc nào?  
A: Đó là công việc bán thời gian như bồi bàn hoặc nhân viên bếp trong quán cà phê của bạn.  
B: Tuyệt, những vị trí đó vẫn còn trống. Bạn muốn biết điều gì?  
A: Bạn có thể vui lòng giải thích trách nhiệm cụ thể của nhân viên phục vụ và nhân viên nhà bếp trong quán cà phê của bạn?  
B: Là người phục vụ, trách nhiệm của bạn bao gồm chào đón khách hàng, nhận đơn đặt hàng, phục vụ đồ ăn và thức uống cũng như xử lý các khoản thanh toán. Đối với nhân viên nhà bếp, bạn sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị và nấu thức ăn, đảm bảo rằng nhà bếp sạch sẽ và được sắp xếp hợp lý, đồng thời hỗ trợ kiểm kê thực phẩm và đặt hàng cung cấp.  
A: Tôi hiểu rồi. Tôi muốn biết bạn thường tìm kiếm loại kinh nghiệm nào ở ứng viên cho công việc này?  
B: Chúng tôi thường tìm kiếm những ứng viên có một số kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương tự, nhưng chúng tôi cũng sẵn sàng đào tạo những người năng động và ham học hỏi.  
A: Thật tốt khi biết điều đó. Tôi muốn biết những phẩm chất cá nhân nào mà bạn nghĩ là cần thiết để thành công trong vai trò này?  
B: Chúng tôi đánh giá cao những người thân thiện, hướng ngoại và có thể làm việc tốt dưới áp lực. Chú ý đến chi tiết và đạo đức làm việc mạnh mẽ cũng là những phẩm chất quan trọng cho công việc này.  
A: Tôi hiểu. Bạn có thể cho tôi biết giờ làm việc thông thường của công việc này là bao nhiêu và mức lương trả theo giờ là bao nhiêu không?  
B: Chúng tôi thường cung cấp các vị trí bán thời gian với lịch làm việc linh hoạt, kể cả buổi tối và cuối tuần. Mức lương hàng giờ của chúng tôi là cạnh tranh và dựa trên kinh nghiệm.  
A: Điều đó nghe có vẻ tốt. Một điều nữa, bạn có thể cho tôi biết làm thế nào tôi có thể đăng ký một ngày nghỉ?  
B: Khi sắp xếp lịch cho nhân viên bán thời gian của chúng tôi trong kỳ nghỉ, chúng tôi thường yêu cầu họ cung cấp cho chúng tôi lịch có thể làm được của họ và cố gắng đáp ứng sở thích của họ càng nhiều càng tốt.  
A: Được rồi, cảm ơn bạn. Và tôi muốn biết liệu có bất kỳ quy tắc đồng phục hoặc trang phục cụ thể nào mà nhân viên phải tuân theo không?  
B: Chúng tôi yêu cầu tất cả nhân viên mặc quần hoặc váy đen và áo sơ mi đen hoặc trắng. Chúng tôi cũng cung cấp tạp dề cho nhân viên nhà bếp.  
A: Cảm ơn bạn đã trả lời tất cả các câu hỏi của tôi. Tôi sẽ cân nhắc nộp đơn xin việc.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 6A. Vocabulary (trang 72, 73)**  
**Unit 6B. Grammar (trang 74)**  
**Unit 6C. Listening (trang 75)**  
**Unit 6D. Grammar (trang 76)**  
**Unit 6E. Word Skills (trang 77)**  
**Unit 6F. Reading (trang 78, 79)**  
**Unit 6H. Writing (trang 81)**  
**Unit 6I. Culture (trang 82)**  
**Review Unit 6 (trang 83)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 7: Artists